

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực
thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

*Căn cứ Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm
2022;*

Căn cứ Luật Bru chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
63/TTr-STTTT ngày 09 tháng 9 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy chế phối hợp phòng, chống
tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

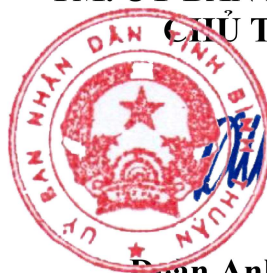
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công an tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Mặt trận và các đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Tùng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoan Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Kèm theo Quyết định số 42 /2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường Bình Thuận, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Bình Thuận, Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) có liên quan đến công tác phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp được thực hiện trên nguyên tắc chủ động, kịp thời, hiệu quả, đảm bảo bí mật và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình phối hợp không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các bên có liên quan.

2. Vụ việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó chủ trì xử lý, các cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ, công chức chuyên trách theo dõi, cập nhật thông tin làm đầu mối trong việc tiếp nhận thông tin, phối hợp, giao nhận tài liệu, số liệu liên quan. Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ có trách nhiệm đảm bảo bí mật thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thông tin cá nhân, kịp thời báo cáo lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xử lý thông tin và chỉ đạo công tác phối hợp.

Trường hợp cần sự chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền cấp trên hoặc ngoài tỉnh thì tùy theo vụ việc và theo chức năng, nhiệm vụ thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó thực hiện.

4. Hoạt động phối hợp phải đảm bảo đúng nguyên tắc và yêu cầu nghiệp vụ của mỗi đơn vị. Những vướng mắc phát sinh phải được trao đổi, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trường hợp có ý kiến khác nhau thì Sở Thông tin và Truyền thông kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Chương II

PHƯƠNG THỨC, NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH PHỐI HỢP

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thông tin và truyền thông.
2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động phạm tội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.
3. Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.
4. Cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.
5. Điều tra, xác minh và làm rõ các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; phối hợp trong công tác đấu tranh với các loại đối tượng vi phạm và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.
6. Phát hiện, xử lý đối tượng tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước, chính quyền.
7. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.
8. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thực hiện theo thẩm quyền để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.
9. Các nội dung phối hợp khác có liên quan đến công tác, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Việc cung cấp thông tin giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương; trường hợp khẩn cấp có thể trao đổi bằng điện thoại, thư điện tử, nhắn tin và các hình thức khác theo quy định của pháp luật nhưng ngay sau đó

phải có văn bản giấy có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, đối với văn bản điện tử thì việc xác nhận là chữ ký điện tử.

2. Thành lập các đoàn thanh tra liên ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lĩnh vực thông tin và truyền thông quy định tại Chương IV Quy chế này.

3. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành cho những người tham gia công tác phối hợp.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo chuyên ngành giới thiệu công nghệ mới và giải pháp nhằm giảm thiểu tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 6. Quy trình phối hợp

1. Khi các cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông quy định tại Chương IV Quy chế này cần phải báo ngay lập tức đến Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để kịp thời xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp xác định vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều ngành thì Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan sẽ trao đổi, bàn bạc thông qua các cuộc họp hoặc bằng văn bản để thống nhất phương pháp phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân và các tổ chức về các biện pháp phòng chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao; tăng cường đầu tư và phát triển các công cụ, giải pháp công nghệ nhằm nâng cao khả năng phát hiện và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về thông tin và truyền thông cho các ngành, các tổ chức và Nhân dân biết và thực hiện.

2. Chủ trì, tổ chức thực hiện thông tin, tuyên truyền định hướng dư luận trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự; đấu tranh chống phá hoại tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của

Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các phương tiện thông tin và truyền thông.

3. Thông báo, phổ biến những phương thức, thủ đoạn mới của các loại đối tượng thực hiện hành vi vi phạm; hướng dẫn các doanh nghiệp thông tin và truyền thông thực hiện công tác phòng ngừa và hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm.

4. Tùy theo vụ việc, lĩnh vực cụ thể, kịp thời cung cấp số liệu, tài liệu và phối hợp với đơn vị liên quan trực tiếp để xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật.

5. Chủ trì hoặc tham gia thanh tra, kiểm tra và xử lý đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm chuyển ngay các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến cơ quan công an để tiến hành điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

7. Tiếp nhận quyết định trưng cầu giám định, làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền quyết định trưng cầu giám định về lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

8. Hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh về công tác phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh trong việc phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn về nghiệp vụ, công nghệ mới phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm.

10. Đề xuất khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy chế này.

11. Quá trình triển khai thực hiện Quy chế này nếu có phát sinh nhu cầu về kinh phí, thì chủ động phối hợp Sở Tài chính để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Tham mưu, hướng dẫn, phối hợp các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, gắn với xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

2. Phối hợp tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc chủ trì kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Nhận bàn giao hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự, tiếp nhận thông tin, chủ trì công tác điều tra, xác minh và xử lý tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Trao đổi thông tin về các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật cho cơ quan có liên quan để phục vụ công tác xác minh và xử lý.

3. Thông báo tình hình, âm mưu phương thức thủ đoạn hoạt động của tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn.

4. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị khác có liên quan xây dựng phương án, kế hoạch bố trí lực lượng phối hợp với các đơn vị có liên quan nhằm bảo vệ an toàn, đảm bảo an ninh trật tự cho các công trình, mục tiêu trên lĩnh vực thông tin và truyền thông trọng điểm.

5. Trao đổi, cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông các thông tin, tài liệu về hoạt động lợi dụng phương tiện, dịch vụ, ứng dụng lĩnh vực thông tin và truyền thông để tuyên truyền, kích động, chống phá Đảng, Nhà nước và hoạt động tội phạm.

6. Hướng dẫn và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh tư tưởng - văn hóa, bảo vệ bí mật nhà nước; phòng, chống khủng bố; bảo đảm an toàn các công trình trọng điểm liên quan đến an ninh quốc gia, trụ sở cơ quan của ngành thông tin và truyền thông.

7. Phối hợp thẩm định, kiểm tra an ninh, an toàn thông tin thiết bị, phương tiện điện tử, tin học trước khi đưa vào sử dụng tại các bộ phận quan trọng, cơ mật; đánh giá điều kiện an ninh mạng, giám sát an ninh mạng, ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên không gian mạng; hướng dẫn các sở, ban, ngành thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng, phòng, chống tấn công mạng.

9. Chủ trì tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm và điều tra, xử lý vụ việc, đối tượng lợi dụng lĩnh vực thông tin và truyền thông để hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật; tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm liên quan đến lĩnh vực thông tin và truyền thông của các tổ chức, cá nhân; tiếp nhận, phản hồi các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Sở Thông tin và Truyền thông chuyển.

10. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông làm rõ cơ sở pháp lý; triển khai các giải pháp kỹ thuật và bảo mật trong ứng dụng mạng internet, mạng xã hội phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm.

11. Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan khác

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cho học sinh, đội ngũ cán bộ giáo viên nâng cao ý thức khai thác, sử dụng thông tin trên mạng internet một cách hiệu quả, lành mạnh.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về khai thác, sử dụng thông tin trên internet của học sinh và cán bộ giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Sở Xây dựng: Hướng dẫn các chủ đầu tư quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và các công trình ngầm (viễn thông). Kịp thời trao đổi thông tin về các công trình được cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông để có biện pháp đảm bảo an toàn nhằm tránh thiệt hại xảy ra.

3. Sở Giao thông vận tải: Khi cấp giấy phép công trình, giấy phép đào đường phải kịp thời trao đổi thông tin về các công trình được cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông để có biện pháp đảm bảo an toàn nhằm tránh thiệt hại xảy ra.

4. Các sở, ban, ngành khác theo chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình phối hợp kịp thời với các cơ quan chức năng có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có liên quan đến ngành mình phụ trách.

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Quản lý thị trường Bình Thuận

1. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát, xử lý hàng lậu, hàng cấm vận chuyển qua mạng bưu chính, chuyển phát, thương mại điện tử. Đối với các vi phạm hành chính về hành vi buôn bán, vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông thì phối hợp cùng với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và các lực lượng chức năng khác có liên quan trong công tác kiểm tra, kiểm soát.

2. Phối hợp, hỗ trợ cung cấp thông tin liên quan phục vụ công tác thẩm tra, xác minh, làm rõ đối tượng vi phạm theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan công an.

3. Khi phát hiện vi phạm có dấu hiệu tội phạm, Cục Quản lý thị trường Bình Thuận thông báo, đề nghị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ của ngành khi có yêu cầu phối hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Bình Thuận

1. Chủ trì công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý hàng lậu, hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu qua mạng bưu chính, chuyển phát, thương mại điện tử; kiểm tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm trong việc xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

2. Cung cấp thông tin về tình hình vi phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông của các tổ chức, cá nhân, được phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp xử lý. Cung cấp các thông tin liên quan phục vụ công tác thẩm tra, xác minh, làm rõ đối tượng vi phạm khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan công an.

3. Kịp thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm khi nhận được thông báo và đề nghị của các đơn vị tham gia phối hợp.

4. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông khi có yêu cầu phối hợp.

Điều 12. Trách nhiệm của Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận

1. Thực hiện những chuyên mục, chuyên trang để tuyên truyền và phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Đăng tải những thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông nhằm giáo dục và nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân trong công tác phòng, chống và ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Tuyên truyền biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông tại địa phương, chỉ đạo việc triển khai Quy chế này đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn quản lý.

2. Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Tổ chức kiểm tra và chỉ đạo ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc địa bàn quản lý.

4. Hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của tỉnh trong công tác kiểm tra, xử lý các đối tượng vi phạm tại địa phương.

Chương IV

BÁO CÁO, THÔNG TIN KHI PHÁT HIỆN HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Điều 14. Trong hoạt động bưu chính và chuyển phát

1. Doanh nghiệp bưu chính - chuyển phát, cá nhân phải báo ngay cho cơ quan công an gần nhất khi phát hiện (ở các khâu gửi, chấp nhận, vận chuyển và phát) các hành vi vi phạm sau:

a) Bưu gửi (thư, gói, kiện hàng hóa, sách báo; tranh ảnh, tài liệu...) có nội dung kích động, gây mất an ninh, phá hoại đoàn kết dân tộc, chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Bưu gửi có chứa vũ khí, vật (chất) gây nổ, chất gây cháy, chất độc, chất phóng xạ, ma túy, vi trùng dịch bệnh nhằm khủng bố, xâm hại tính mạng, tài sản công dân, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

c) Bưu gửi chứa văn hóa phẩm có nội dung trái đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

2. Doanh nghiệp bưu chính - chuyển phát, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan công an nơi gần nhất khi phát hiện các hành vi vi phạm sau:

a) Chiếm đoạt, trộm cắp bưu gửi, trao đổi nội dung bưu gửi, bóc mở, hủy bưu gửi trái pháp luật.

b) Xâm hại công trình bưu chính công cộng, cản trở hoạt động bưu chính hợp pháp.

c) Hoạt động bưu chính trái pháp luật.

d) Sản xuất, kinh doanh, sử dụng tem bưu chính Việt Nam và tem bưu chính nước ngoài trái pháp luật.

đ) Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động bưu chính và chuyển phát.

Điều 15. Trong hoạt động viễn thông

Cơ quan, doanh nghiệp viễn thông, cá nhân phải báo ngay cho cơ quan công an gần nhất hoặc Sở Thông tin và Truyền thông khi phát hiện các hành vi sau:

1. Sử dụng dịch vụ viễn thông (đàm thoại, nhắn tin, truy cập mạng internet...) để truyền đưa thông tin có nội dung chống phá Nhà nước, tuyên truyền kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, mê tín dị đoan.

2. Gọi điện hoặc nhắn tin có nội dung xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

3. Quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.

4. Gọi điện hoặc nhắn tin để lừa đảo, tống tiền, đe dọa, quấy rối, khủng bố.

5. Trộm cắp cước viễn thông.

6. Sử dụng, kinh doanh, lưu thông trên thị trường SIM thuê bao di động trả trước, thiết bị kích hoạt SIM thuê bao di động trả trước không đúng quy định của pháp luật.

7. Trộm cắp thiết bị viễn thông, phá hoại cơ sở hạ tầng viễn thông.

8. Thu trộm, nghe trộm, xem trộm thông tin trên mạng viễn thông.

9. Cản trở trái pháp luật việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông, việc cung cấp và sử dụng hợp pháp các dịch vụ viễn thông.

10. Sử dụng thiết bị, phần mềm gửi, truyền, nhận thông tin qua mạng viễn thông để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

11. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động viễn thông.

Điều 16. Trong hoạt động internet

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho ủy ban nhân dân địa phương, cơ quan công an gần nhất hoặc Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh khi phát hiện các hành vi sau:

1. Sử dụng dịch vụ internet (thông tin, trao đổi, phát tán tài liệu) để chống phá nhà nước, tuyên truyền kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, mê tín dị đoan.

2. Đưa lên internet các thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

3. Lợi dụng internet để quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.

4. Lợi dụng internet và game online để trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây mất trật tự, dụ dỗ mua bán phụ nữ, trẻ em.

5. Gây rối, phá hoại hệ thống thiết bị và cản trở trái pháp luật việc quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet.

6. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động internet.

Điều 17. Trong hoạt động công nghệ thông tin (bao gồm công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin)

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh khi phát hiện các hành vi sau:

1. Truy cập bất hợp pháp vào cơ sở dữ liệu máy tính (đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia, an ninh, quốc phòng) nhằm phá hoại, sửa đổi dữ liệu, trộm cắp dữ liệu, thay đổi giao diện; thực hiện các hành vi làm tắc nghẽn đường truyền của một địa chỉ trang web đã định trước.

2. Sử dụng dữ liệu của máy tính, hoặc mạng máy tính để lan truyền, phát tán các chương trình virus, phần mềm gián điệp nhằm lây lan vào máy tính cá nhân, lấy cắp thông tin địa chỉ thư điện tử, thông tin thẻ tín dụng và thông tin cá nhân (mật khẩu của địa chỉ thư điện tử, tài khoản thành viên); đưa thông tin thẻ tín dụng đã lấy cắp được lên mạng để mua bán, trao đổi, cho tặng; phá hoại, làm thay đổi thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

3. Dùng máy tính làm công cụ để thực hiện các hành vi phạm tội: lừa đảo qua quảng cáo bán hàng trực tuyến, lừa đảo trên các sàn giao dịch ảo như ngoại tệ, vàng, bất động sản, huy động vốn tín dụng; lừa đảo bằng thư điện tử; đề nghị tham gia rửa tiền; tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy qua mạng; tổ chức hoạt động mại dâm qua mạng; thực hiện các hoạt động khủng bố, gây rối qua mạng; tuyên truyền thông tin đồn nhảm, thất thiệt; gửi thư điện tử, nhắn tin lừa đảo, tống tiền, đe dọa, quấy rối, khủng bố; xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

4. Sản xuất, lưu hành sản phẩm công nghệ thông tin và điện tử trái pháp luật; giả mạo trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khác.

5. Xuất, nhập khẩu trái phép sản phẩm, hàng hóa công nghệ thông tin, điện tử như máy tính, máy in, máy scan, máy photocopy, máy điện thoại, máy ghi âm, máy ghi hình. In, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm có nội dung chống Đảng, Nhà nước phá hoại khối đoàn kết dân tộc; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động.

6. Kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, các sản phẩm, linh kiện công nghệ thông tin, điện tử.

7. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động công nghệ thông tin.

Điều 18. Trong hoạt động xuất bản, in, photocopy và phát hành

Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh hoặc các cơ quan chức năng gần nhất khi phát hiện các hành vi sau:

1. In xuất bản phẩm không có giấy phép; in các sản phẩm mà pháp luật Việt Nam cấm lưu hành.

2. In, photocopy nhân bản báo chí, xuất bản phẩm đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy; in, photocopy trái phép tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Xuất, nhập khẩu báo chí, xuất bản phẩm trái phép.

4. Phát hành (bán, phân phát, cho thuê, đưa lên mạng internet) xuất bản phẩm nhập lậu; xuất bản phẩm in lậu; xuất bản phẩm có nội dung tuyên truyền mê tín dị đoan, tuyên truyền lối sống đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực.

5. Phát hành xuất bản phẩm đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành.

6. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động xuất bản, in, photocopy và phát hành.

Điều 19. Trong hoạt động báo chí (bao gồm báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, bản tin thông tấn)

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh khi phát hiện các hành vi sau:

1. Đăng, phát thông tin chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nội dung:

- a) Xuyên tạc, phỉ báng, phủ nhận chính quyền nhân dân.
- b) Bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân.
- c) Gây áp lực tinh thần.

2. Đăng, phát thông tin có nội dung:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa Nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; xúc phạm niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

3. Đăng, phát thông tin có nội dung kích động chiến tranh nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Xuyên tạc lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc.

5. Tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan; thông tin về những chuyện thần bí gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe của cộng đồng.

7. Kích động bạo lực; tuyên truyền lối sống đồi trụy; miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, hành vi tội ác; thông tin không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

8. Thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; quy kết tội danh khi chưa có bản án của tòa án.

9. Thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em.

10. In, phát hành, truyền dẫn, phát sóng sản phẩm báo chí, tác phẩm báo chí, nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, gỡ bỏ, tiêu hủy hoặc nội dung thông tin mà cơ quan báo chí đã có cải chính.

11. Cản trở việc in, phát hành, truyền dẫn, phát sóng sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí hợp pháp tới công chúng.

12. Đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phóng viên; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo, phóng viên hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật.

13. Đăng, phát trên sản phẩm thông tin có tính chất báo chí thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Điều này.

14. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động báo chí.

Điều 20. Trong hoạt động tần số vô tuyến điện

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh khi phát hiện các hành vi sau:

1. Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện làm phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Sử dụng tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác.

3. Cản trở cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh.

4. Cố ý gây nhiễu có hại, cản trở trái pháp luật hoạt động của hệ thống thông tin vô tuyến điện.

5. Phá hoại cơ sở hạ tầng kỹ thuật vô tuyến điện; cản trở trái pháp luật việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật vô tuyến điện hợp pháp.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện.

7. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động tần số vô tuyến điện.

Điều 21. Trong hoạt động an toàn thông tin mạng

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh khi phát hiện các hành vi sau:

1. Ngăn chặn việc truyền tải thông tin trên mạng, can thiệp, truy nhập, gây nguy hại, xóa, thay đổi, sao chép và làm sai lệch thông tin trên mạng trái pháp luật.

2. Gây ảnh hưởng, cản trở trái pháp luật tới hoạt động bình thường của hệ thống thông tin hoặc tới khả năng truy nhập hệ thống thông tin của người sử dụng.

3. Tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng của biện pháp bảo vệ an toàn thông tin mạng của hệ thống thông tin; tấn công, chiếm quyền điều khiển, phá hoại hệ thống thông tin.

4. Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo.

5. Thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân của người khác; lợi dụng sơ hở, điểm yếu của hệ thống thông tin để thu thập, khai thác thông tin cá nhân.

6. Xuyên nhập trái pháp luật bí mật mật mã và thông tin đã mã hóa hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tiết lộ thông tin về sản phẩm mật mã dân sự, thông tin về khách hàng sử dụng hợp pháp sản phẩm mật mã dân sự; sử dụng, kinh doanh các sản phẩm mật mã dân sự không rõ nguồn gốc.

7. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động an toàn thông tin mạng.

Điều 22. Trong hoạt động giao dịch điện tử

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh khi phát hiện các hành vi sau:

1. Lợi dụng giao dịch điện tử xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình tạo ra, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

3. Thu thập, cung cấp, sử dụng, tiết lộ, hiển thị, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông điệp dữ liệu.

4. Giả mạo, làm sai lệch hoặc xóa, hủy, sao chép, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.

5. Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật.

6. Gian lận, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái pháp luật tài khoản giao dịch điện tử, chứng thư điện tử, chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký điện tử.

7. Cản trở việc lựa chọn thực hiện giao dịch điện tử.

8. Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động trong giao dịch điện tử.

Điều 23. Trong hoạt động quảng cáo

Tổ chức, cá nhân phải báo ngay cho ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hoặc Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh khi phát hiện hành vi vi phạm trong hoạt động quảng cáo theo quy định của Luật Quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Chế độ báo cáo

1. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đánh giá, trao đổi về kết quả thực hiện Quy chế phối hợp, rút kinh nghiệm và tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

2. Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường Bình Thuận, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Bình Thuận, Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình thực hiện công tác phối hợp phòng, chống các hành vi vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 25. Khen thưởng, kỷ luật

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được phân công mà không thực hiện phối hợp theo nội dung Quy chế này hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.